

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

1.1 Tên học phần (tiếng Việt):	ĐẠO ĐỨC NGHỀ LUẬT
1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):	Professional Ethics in Law
1.3 Trình độ đào tạo:	Đại học
1.4 Định hướng đào tạo:	Ứng dụng
1.5 Mã học phần:	011320
1.6 Số tín chỉ:	2
1.7 Thuộc khối kiến thức:	Kiến thức đại cương
1.8 Phân bổ thời gian (số giờ):	
- Lý thuyết:	15
- Nghiên cứu tình huống và thảo luận:	0
- Thực hành: + Thực hành tích hợp + Thực hành PM, MP, DN	15
- Tự học:	70
1.9 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	Bộ môn Luật/ Khoa Kinh tế - Luật
1.10 Điều kiện tham gia học phần:	
- Điều kiện tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CỦA HỌC PHẦN

Đạo đức nghề luật là một trong những môn học về đạo đức nghề nghiệp. Đây là môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, nhằm cung cấp cho sinh viên ngành luật

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

1.1 Tên học phần (tiếng Việt):	ĐẠO ĐỨC NGHỀ LUẬT
1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):	Professional Ethics in Law
1.3 Trình độ đào tạo:	Đại học
1.4 Định hướng đào tạo:	Ứng dụng
1.5 Mã học phần:	011320
1.6 Số tín chỉ:	2
1.7 Thuộc khối kiến thức:	Kiến thức đại cương
1.8 Phân bổ thời gian (số giờ):	
- Lý thuyết:	15
- Nghiên cứu tình huống và thảo luận:	0
- Thực hành: + Thực hành tích hợp + Thực hành PM, MP, DN	15
- Tự học:	70
1.9 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	Bộ môn Luật/ Khoa Kinh tế - Luật
1.10 Điều kiện tham gia học phần:	
- Điều kiện tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CỦA HỌC PHẦN

Đạo đức nghề luật là một trong những môn học về đạo đức nghề nghiệp. Đây là môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, nhằm cung cấp cho sinh viên ngành luật

kinh tế những kiến thức cần thiết để có thái độ đúng đắn khi tiếp cận nghiên cứu các ngành khoa học luật và hành nghề luật trong tương lai

3. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN

3.1. Mục tiêu chung

Sau khi học xong học phần Đạo đức nghề luật, người học áp dụng được các chuẩn mực, quy tắc đạo đức đặt ra cho những cá nhân và tổ chức hành nghề luật, trọng tâm là các tiêu chuẩn đạo đức đối với luật sư và thẩm phán; đồng thời đánh giá được những hành vi vi phạm đạo đức nghề luật. Môn học cũng đặt mục tiêu giúp người học hiểu được mối quan hệ giữa các chuẩn mực đạo đức nghề luật với sự biến động không ngừng của các hiện tượng xã hội.

3.2. Mục tiêu cụ thể

❖ *Kiến thức*

- Nhắc lại các khái niệm cơ bản của nghề luật, đạo đức nghề luật;
- Phân biệt được công việc của thẩm phán và người hành nghề luật;
- Trình bày các tiêu chuẩn đạo đức đối với cá nhân, tổ chức hành nghề luật sư; thẩm phán theo pháp luật hiện hành, quy tắc của tổ chức nghề nghiệp của Việt Nam và của Hoa Kỳ;

- Liên hệ mối quan hệ giữa đạo đức nghề luật và các vấn đề xã hội hiện đại.

❖ *Kỹ năng*

- Tập hợp hóa các văn bản quy phạm pháp luật, các quy tắc nghề nghiệp liên quan;

- Xử lý tình huống liên quan đến đạo đức nghề luật;

❖ *Năng lực tự chủ và trách nhiệm*

- Tôn trọng, chấp hành pháp luật;
- Bản lĩnh, trung thực và niềm say mê đối với nghề luật;
- Tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học, trách nhiệm với công việc;
- Đáp ứng phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết của một luật gia.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

CLO4	I								
CLO5					R				
CLO6					R				
CLO7								R	
CL08								R	
Tổng hợp học phần	I				R			R	

Chú thích: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

5. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY:

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP DN	Tự học		
Tuần 1: Từ: Đến...	CHƯƠNG I. Khái quát về nghề luật và đạo đức nghề luật 1.1. Khái niệm nghề luật 1.2. Vị trí của nghề luật trong xã hội	3	3		0		- GV sinh hoạt chung về môn học, và giao bài tập cho nhóm làm báo cáo. - GV thuyết giảng các	* Nghiên cứu đề cương môn học. * Đọc: - Tài liệu chính số (1) và (2).

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP DN	Tự học		
	1.3. Khái niệm, nguồn gốc và bản chất của đạo đức 1.4. Khái niệm, nguồn điều chỉnh và các nguyên tắc chung về đạo đức nghề luật			0		14	kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống. - SV: nghe giảng, ghi chép những nội dung cần thiết, trao đổi, thảo luận	- Đọc tài liệu tham khảo số (3) và (4)
Tuần 2: Từ: Đến...	CHƯƠNG II. Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp luật sư 2.1. Khái quát chung về luật sư và đạo đức nghề nghiệp luật sư 2.2. Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp luật sư Việt Nam	3	3	0	0	14	- GV: lắng nghe, giải thích và tổng kết các kiến thức SV thuyết trình nhóm. - SV: Thuyết trình nhóm, đặt câu hỏi thảo luận và giải quyết các câu hỏi liên quan.	* Đọc: Đọc tài liệu chính (1) (2) Đọc tài liệu tham khảo số (3) và Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam.

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP DN	Tự học		
Tuần 3: Từ: Đến...	CHƯƠNG II. Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp luật sư (tt) 2.3. Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp luật sư Hoa Kỳ (ABA Model Rules of Professional Conduct 1983)	3	3	0	0	14	- GV: lắng nghe, giải thích và tổng kết các kiến thức SV thuyết trình nhóm. - SV: Thuyết trình nhóm, đặt câu hỏi thảo luận và giải quyết các câu hỏi liên quan.	* Đọc: Bộ quy tắc mẫu về đạo đức nghề nghiệp của Hiệp hội Luật sư Hoa Kỳ - ABA Model Rules of Professional Conduct 1983
Tuần 4: Từ: Đến...	CHƯƠNG III. Quy tắc ứng xử và đạo đức thẩm phán 3.1. Khái quát chung về thẩm phán và đạo đức thẩm phán 3.2. Quy tắc ứng xử và đạo đức thẩm phán Việt Nam	3	3	0	0	14	- GV thuyết giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống; - SV thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống.	* Đọc: - Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 62/2014/QH13; - “Bộ quy tắc đạo đức và ứng xử của thẩm phán” số 87/QĐ/HĐTC ngày 4/7/2018

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP DN	Tự học		
Tuần 5: Từ: Đến...	CHƯƠNG III. Quy tắc ứng xử và đạo đức thẩm phán (tt) 3.3. Quy tắc ứng xử và đạo đức của thẩm phán Hoa Kỳ (Code of Conduct for United States Judges 1973) Ôn tập Kiểm tra	3	3	0	0	14	- GV: Thuyết giảng, - SV: nghe giảng, ghi chép những nội dung cần thiết, trao đổi, thảo luận. - Làm bài kiểm tra	* Đọc: -Bộ luật về ứng xử và đạo đức đối với thẩm phán Hoa Kỳ
Tổng		15	15	0	0	70		

6. HỌC LIỆU:

6.1 Tài liệu chính

[1] TS. Phan Chí Hiếu và PGS.TS Nguyễn Văn Huyền (chủ biên) (2011), *Đạo đức nghề luật*, NXB Tư pháp;

[2] Học viện Tư pháp (2020), *Giáo trình Luật sư và nghề luật sư*, NXB Tư pháp.

6.2 Tài liệu tham khảo

* Văn bản pháp luật

[1] Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 62/2014/QH13;

[2] Luật Luật sư số 65/2006/QH11;

[3] Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư số 20/2012/QH13;

[4] Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam (Ban hành Quyết định số 68/QĐ-HĐLSTQ ngày 20 tháng 7 năm 2011 của Hội đồng Luật sư toàn quốc).

[5] Bộ quy tắc mẫu về đạo đức nghề nghiệp của Hiệp hội Luật sư Hoa Kỳ - ABA Model Rules of Professional Conduct 1983. Nguồn:

https://www.americanbar.org/groups/professional_responsibility/publications/model_rules_of_professional_conduct.html

[6] Bộ quy tắc đạo đức và ứng xử của thẩm phán” số 87/QĐ/HĐTC ngày 4/7/2018.

[7] Bộ luật về ứng xử và đạo đức đối với thẩm phán Hoa Kỳ- Code of Conduct for United States Judges 1973. Nguồn: <http://www.uscourts.gov/judges-judgeships/code-conduct-unitedstates-judges>

*** Tài liệu khác**

[1] TS. Nguyễn Văn Tuân, Luật sư và vấn đề đạo đức nghề nghiệp, NXB Chính trị quốc gia, 2004;

[2] ThS. Nguyễn Bá Bình (chủ biên), Nghề luật - những nghĩ suy, NXB Tư pháp, 2007;

[3] TS. Nguyễn Văn Tuân, Pháp luật về luật sư và đạo đức nghề nghiệp luật sư, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, 2014.

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

7.1 Đánh giá quá trình: trọng số 40% trong điểm học phần

TT	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
1	Điểm chuyên cần: Sinh viên đi học thường xuyên, vắng học sẽ bị trừ số điểm chuyên cần.	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá thái độ tích cực của sinh viên đối với môn học. - Đánh năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm cá nhân, tự định hướng hoạt động chuyên môn nghề nghiệp. 	CLO7	10%
3	Đánh giá hoạt động bài tập nhóm, thuyết trình: Tùy vào sĩ số lớp, GV sẽ chia thành các nhóm, mỗi nhóm từ 5-7 SV. Các nhóm thuyết trình các nội dung được GV giao (trong nội dung bài học) bằng file power point. Mỗi nhóm sẽ có 15 phút để	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức và phối hợp tham gia thực hiện của các thành viên trong nhóm - Hình thức bài báo cáo kết quả làm việc nhóm - Kỹ năng trình bày trước đám đông - Tương tác/trả lời câu hỏi 	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	30%

	thuyết trình và 10 phút tương tác, phản biện trước lớp học. GV sẽ có bảng điểm đánh giá chung của nhóm và đánh giá từng cá nhân tham gia nhóm.	- Nội dung Bài báo cáo kết quả làm việc nhóm		
	Kiểm tra tự luận giữa kỳ: Kiểm tra giữa kì 30-45 phút bằng hình thức nhận định, trắc nghiệm, bài tập tình huống.	- Đánh giá khả năng ghi nhớ và vận dụng các vấn đề pháp lý đã học. - Đánh giá khả năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết từng tình huống cụ thể. - Đánh giá khả năng tìm kiếm, phân tích các văn bản pháp luật - Đánh giá khả năng tư duy giải quyết các vấn đề thực tế được đưa ra trong bài kiểm tra.	CLO4 CLO5 CLO6 CLO8	60%
	TỔNG			100%

7.2 Đánh giá kết thúc học phần: trọng số 60% trong điểm học phần

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
BÀI THI TỰ LUẬN - Bài thi 60 phút, bao gồm 3 câu hỏi nhận định và 1 bài tập tình huống. - Nội dung đề thi là một trong những nội dung đã học, nhằm vận dụng	Đánh giá về kiến thức: - Đánh giá khả năng ghi nhớ và trình bày các vấn đề pháp lý. - Đánh giá khả năng vận dụng các kiến thức đã học để giải thích các nhận định cụ thể.	CLO1 CLO4	40%
	Đánh giá về kỹ năng: - Đánh giá khả năng vận dụng tổng hợp được các kiến thức đã học để xử lý tình huống thực tế.	CLO5 CLO6	50%

kiến thức đã học để giải quyết tình huống liên quan đến các chương đã học trong đạo đức nghề luật	- Đánh giá khả năng tìm kiếm, phân tích văn bản pháp luật, phản biện để bảo vệ được quan điểm cá nhân.		
	Đánh giá về mức tự chủ tự chịu trách nhiệm: - Đánh giá tính tích cực, chủ động tiếp thu kiến thức và kỹ năng được học; - Đánh giá các nhìn nhận, ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật và giữ gìn đạo đức nghề nghiệp cần thiết của một luật gia.	CLO7 CLO8	10%
Tổng			100%

8. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN

8.1 Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên vào lớp đúng giờ, tham dự đầy đủ các buổi học, tham dự thảo luận, phản biện nhóm và các hoạt động học tập khác của học phần.

8.2 Quy định về hành vi lớp học

- Sinh viên tham gia lớp học với tinh thần nghiêm túc, cầu thị.
- Sinh viên không làm việc riêng trong thời gian lên lớp, chỉ sử dụng các thiết bị phụ vụ cho nội dung học và hoạt động tương ứng trong từng buổi học.

8.3 Quy định về học vụ

- Sinh viên vắng học sẽ bị trừ điểm chuyên cần (trừ trường hợp có lý do chính đáng).
- Sinh viên không tham gia bài kiểm tra giữa kỳ mà không có lý do chính đáng thì bị điểm 0 bài kiểm tra này.
- Sinh viên không tham dự kì thi cuối kì bị coi là không hoàn thành học phần.

9. HOLISTIC RUBRIC

Bảng Rubric đánh giá điểm chuyên cần và tham gia thảo luận/trả lời trên lớp

Tiêu chí	CĐR	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10
Số buổi dự học (đủ tiết/buổi) theo thời khóa biểu	CLO7	50%	Tham dự < 70% số buổi học	Tham dự từ 70% đến < 80% số buổi học	Tham dự từ 80% đến < 90% số buổi học	Tham dự từ 90% số buổi học trở lên.

Sự chủ động, tích cực tham gia thảo luận/trả lời câu hỏi	CLO1 CLO2 CLO4 CLO7	50%	Không tham gia thảo luận/trả lời đúng dưới 50% các câu hỏi về nội dung bài học.	Có tham gia thảo luận và trả lời đúng từ 50% đến dưới 70% các câu hỏi về nội dung bài học.	Có tham gia thảo luận và trả lời đúng từ 70% đến dưới 85% các câu hỏi về nội dung bài học.	Nhiệt tình tham gia thảo luận và trả lời đúng từ 85% đến 100% các câu hỏi về nội dung bài học.
--	------------------------------	-----	---	--	--	--

Bảng Rubric đánh giá kết quả làm việc nhóm (hoặc thuyết trình)

Tiêu chí	CĐR	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10
Tổ chức và phối hợp tham gia thực hiện của các thành viên trong nhóm	CLO7	15%	< 40% số lượng thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ nhóm	Từ 40% đến 60% số lượng thành viên trở lên tham gia thực hiện nhiệm vụ nhóm	Từ 60% đến 80% số lượng thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ nhóm	Từ 80% đến 100% thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ nhóm
Hình thức bài báo cáo kết quả làm việc nhóm	CLO7	10%	Sơ sài, không đầy đủ các bộ cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận), font chữ không đồng bộ, nhiều lỗi chính tả.	Các bộ cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận) chưa rõ, font chữ đúng quy định, còn lỗi chính tả.	Đầy đủ các bộ cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận) rõ ràng, font chữ đúng quy định, còn lỗi chính tả.	Đẹp, rõ ràng các bộ cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận), không lỗi chính tả
Kỹ năng trình bày trước đám đông	CLO6 CLO7	15%	Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu với người nghe	Nói nhỏ, có giao lưu với người nghe, nhưng không tự tin.	Trình bày rõ ràng ở mức tốt, có phong cách tự tin khi giao lưu nhưng chưa xuất sắc.	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu với người nghe.
Tương tác/trả lời câu hỏi	CLO1 CLO2 CLO5	30%	Trả lời đúng dưới 50% số câu hỏi được đặt ra.	Trả lời đúng từ 50% đến dưới 70% số câu hỏi được đặt ra.	Trả lời đúng từ 70% đến dưới 85% số câu hỏi được đặt ra.	Trả lời đúng từ 85% đến 100% số câu hỏi được đặt ra.

Nội dung Bài báo cáo kết quả làm việc nhóm	CLO1 CLO2 CLO3	30%	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu về nội dung.	Đáp ứng từ 50% đến dưới 70% yêu cầu về nội dung.	Đáp ứng từ 70% đến dưới 80% yêu cầu về nội dung.	Đáp ứng từ 80% đến 100% yêu cầu về nội dung.
---	----------------------	-----	--	--	--	--

Bảng Rubric đánh giá bài thi giữa kì (Tự luận)

Tiêu chí	CĐR	Cấu trúc điểm thành phần	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10
Mức cơ bản	CLO1 CLO2 CLO5	60%	Trả lời đúng dưới 50% nội dung yêu cầu trong bài thi.	Trả lời đúng từ 50% đến dưới 70% nội dung yêu cầu trong bài thi.	Trả lời đúng từ 70% đến dưới 85% nội dung yêu cầu trong bài thi.	Trả lời đúng từ 85% đến 100% nội dung yêu cầu trong bài thi.
Mức nâng cao	CLO4	40%				

Bảng Rubric đánh giá bài thi cuối kỳ (Tự luận)

Tiêu chí	CĐR	Cấu trúc điểm thành phần	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10
Mức cơ bản	CLO1 CLO3 CLO5	60%	Trả lời đúng dưới 50% nội dung yêu cầu trong bài thi.	Trả lời đúng từ 50% đến dưới 70% nội dung yêu cầu trong bài thi.	Trả lời đúng từ 70% đến dưới 85% nội dung yêu cầu trong bài thi.	Trả lời đúng từ 85% đến 100% nội dung yêu cầu trong bài thi.
Mức nâng cao	CLO6	40%				

Bảng Rubric đánh giá kết quả chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra môn học	Tỷ lệ	Mới bắt đầu	Biết sơ sài	Hiểu sơ bộ	Hiểu cặn kẽ	Hiểu sâu
		0 - 3.4	3.5 - 4.9	5.0 - 6.9	7.0-8.4	8.5-10
CLO1	10%	Mới thu nhận		Hiểu được các thông	Hiểu khá đầy đủ	

CLO2	11%	được một số ít thông tin mang tính rời rạc	Mới thiết lập được sự liên hệ giữa một số ít thông tin được thu nhận	tin cơ bản và thiết lập được mối liên hệ sơ lược giữa chúng	các thông tin cần thiết và thiết lập được mối liên hệ giữa chúng	Hiểu đầy đủ các thông tin cần thiết. Có thể khái quát hóa các thông tin thu nhận, đánh giá và vận dụng chúng vào các tình huống khác nhau.
CLO3	12%					
CLO4	12%					
CLO5	15%					
CLO6	15%					
CLO7	10%					
CL08	15%					
Tổng điểm	100%					

L. Hiệu trưởng ✓

Vanke

TS. Nguyễn Văn Hiến

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 7 năm 2022

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Phuoc

Đào Ngọc Phuoc

Thị Đông Hà

Ts Thị Đông Hà